

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-ĐSPK ngày 12/02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03-25/NQ-ĐSPK ngày 25/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông, thảo luận và thông qua chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, như sau:

1. Thời gian: 13 giờ 15 phút, ngày 16/4/2025.

2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, Số 02 Yersin, phường Vạn Thanh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

3. Chương trình và nội dung:

Stt	Thời gian	NỘI DUNG
	13 ^h 15	- Đón tiếp đại biểu, cổ đông; - Đăng ký cổ đông, kiểm tra thủ tục và phát tài liệu.
		CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ CỦA CUỘC HỌP
1	13 ^h 30	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự; - Công bố Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông.
2	13 ^h 35	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.
3	13 ^h 40	- Hướng dẫn cách thức biểu quyết tại cuộc họp; - Giới thiệu Đoàn Chủ toạ; - Đoàn Chủ toạ cử Thư ký; - Bầu Ban kiểm phiếu.
4	13 ^h 45	Thảo luận và biểu quyết thông qua: - Chương trình nghị sự của cuộc họp; - Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2025;

5	13 ^h 50	Thảo luận và biểu quyết thông qua từng nội dung: - Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2024 và Kế hoạch SXKD năm 2025; - Báo cáo của Hội đồng quản trị (HDQT) về quản trị và kết quả hoạt động của HDQT năm 2024; Phương hướng nhiệm vụ của HDQT năm 2025; - Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HDQT, Giám đốc Công ty năm 2024; - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025; - Tờ trình thực hiện sử dụng lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 và kế hoạch sử dụng lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025; - Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2025; - Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đối với cổ đông là Tổng công ty ĐSVN; - Các vấn đề khác (nếu có).
6	14 ^h 10	- Đại diện lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN phát biểu.
7	14 ^h 40	- Trình bày toàn văn dự thảo Biên bản và Nghị quyết.
8	14 ^h 50	- Thảo luận và biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết.
9	14 ^h 55	- Tổng kết, bế mạc.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-ĐSPK ngày 12/02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03-25/NQ-ĐSPK ngày 25/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (có dự thảo Quy chế kèm theo).

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025****Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được cổ đông ủy quyền tham dự cuộc họp (*đại diện cổ đông*), điều kiện, thủ tục tiến hành cuộc họp và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).
3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự cuộc họp có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức họp được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

**Chương II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ HỌP, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ
ĐÔNG, CÁC BÊN THAM GIA****Điều 3. Điều kiện tham dự cuộc họp**

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 14/3/2025.

Điều 4. Quyền của các cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự họp

1. Có quyền thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc về thẩm quyền của HĐQT theo quy định của luật doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
2. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự họp.
3. Được Công ty thông báo công khai nội dung, chương trình họp.



4. Tại cuộc họp, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự họp được nhận Thẻ biểu quyết (trong đó ghi rõ mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết) sau khi đăng ký tham dự họp với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Điều 5. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự họp

1. Cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp mang theo giấy tờ sau:
 - a) Thông báo mời họp;
 - b) Một trong các giấy tờ pháp lý: Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/căn cước công dân;
 - c) Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm theo Thông báo mời họp (Trường hợp được ủy quyền).
 - d) Cổ đông, đại diện cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông, đại diện cổ đông của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự họp không được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử tại cuộc họp.
3. Người được ủy quyền tham dự họp không được ủy quyền cho bên thứ ba.
4. Trong thời gian diễn ra cuộc họp, cổ đông, đại diện cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của cuộc họp, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
5. Trong trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông, đại diện của cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp.

Điều 6. Đoàn chủ tịch, Chủ tọa

1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa cuộc họp. Đoàn Chủ tịch bao gồm: Chủ tọa và có thể có các thành viên HĐQT Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:
 - a) Điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để cuộc họp diễn ra có trật tự; đúng quy định;
 - b) Hướng dẫn các cổ đông, đại diện cổ đông thảo luận tại cuộc họp;
 - c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để ĐHĐCĐ biểu quyết;
 - d) Trả lời hoặc chỉ định người trả lời những vấn đề trong chương trình do cổ đông/đại diện cổ đông yêu cầu.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tịch.

Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 7. Đoàn thư ký

1. Chủ tọa cử một số người vào Đoàn thư ký tại cuộc họp.
2. Đoàn thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, gồm:
 - a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung cuộc họp;
 - b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của cuộc họp và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - c) Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

Điều 8. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự cuộc họp

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự cuộc họp ĐHĐCĐ do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông, đại diện cổ đông đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật, phát tài liệu cuộc họp, Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành.

Điều 9. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm 05 người do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại cuộc họp.
2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a) Hướng dẫn cổ đông tham dự cuộc họp cách sử dụng Thẻ biểu quyết; thực hiện việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến, ngay sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết.
 - b) Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết những vấn đề của cuộc họp.

Chương III

TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Điều kiện tiến hành cuộc họp

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình.
2. Trường hợp có thay đổi chương trình đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại cuộc họp

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của cuộc họp, Chủ tọa có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự họp phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và

được sự đồng ý của Chủ tọa. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình cuộc họp đã thông qua.

3. Thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút, nếu quá thời lượng, Chủ tọa có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị bằng văn bản gửi cho Đoàn thư ký; Hội đồng quản trị sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại cuộc họp

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của cuộc họp đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông, đại diện cổ đông tham dự họp bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

2. Cách thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Cổ đông, đại diện cổ đông thực hiện biểu quyết bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến) một số vấn đề được đưa ra biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

3. Nội dung biểu quyết, cụ thể:

- Chương trình nghị sự; Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Các nội dung khác theo Chương trình họp.

4. Kết quả biểu quyết: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung sẽ được thông báo trước cuộc họp và thể hiện tại Biên bản họp ĐHĐCĐ.

Điều 14. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua

1. Các vấn đề trong chương trình cuộc họp được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện cổ đông dự họp tán thành, ngoại trừ nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc biểu quyết sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty khi được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp tán thành.

Điều 15. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp

1. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký cuộc họp lưu giữ tại Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh.

3. Các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua, Thư ký cuộc họp phải tổng hợp và đưa vào dự thảo Nghị quyết cuộc họp. Dự thảo Nghị quyết được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

4. Biên bản, Nghị quyết họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm có 4 Chương 16 Điều, được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 16 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.
2. Đoàn Chủ tịch có trách nhiệm điều hành cuộc họp theo quy chế này.
3. Các cổ đông, đại diện cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 có trách nhiệm thực hiện các quy định tại quy chế này/.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-ĐSPK ngày 12/02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03-25/NQ-ĐSPK ngày 25/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế. Toàn bộ nội dung Báo cáo này được công bố trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty vào ngày 26/3/2025.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34
Phụ lục số 01	35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200285254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp lần đầu ngày 14/12/2010, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13/11/2024.

Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh do cổ phần hóa theo quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Giao thông vận tải, là công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 08/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Văn Quang	Chủ tịch
Ông Phạm Nguyễn Chiến	Thành viên
Ông Đặng Anh Tuấn	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Dũng Hưng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Việt Phương	Thành viên
Ông Hoàng Nam Cao	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Phạm Nguyễn Chiến	Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Hợi	Phó Giám đốc	
Ông Bùi Văn Nam	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/12/2024
Ông Đặng Trung Thiết	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2024

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Nguyễn Chiến - Giám đốc.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Nguyễn Chiến

Giám đốc

Khánh Hoà, ngày 17 tháng 02 năm 2025

Số: 26111/2024/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại thuyết minh số 4.4.1 "Phải thu ngắn hạn khác" khoản phải thu Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi phí đo đất năm 2010 số tiền 933.473.987 đồng. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán khoản chi phí này chưa được quyết toán, đối chiếu công nợ với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với khoản phải thu này tại ngày 31/12/2024 cũng như ảnh hưởng của nó tới Báo cáo tài chính năm 2024.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN PHƯƠNG THÚY

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4567-2022-283-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2025

NGUYỄN THỊ THU HÀ

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6521-2024-283-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105.512.292.454	113.464.171.728
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	7.096.091.241	8.528.167.930
1. Tiền	111		2.096.091.241	3.528.167.930
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.890.552.924	91.085.380.602
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	90.380.461.755	93.764.986.039
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	1.441.389.927	345.173.940
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	7.066.547.421	8.023.066.802
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(10.997.846.179)	(11.047.846.179)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	8.928.156.804	11.764.483.338
1. Hàng tồn kho	141		8.928.156.804	11.764.483.338
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.597.491.485	2.086.139.858
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	1.463.500.893	1.124.900.239
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	4.8	133.990.592	961.239.619
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.069.195.789	25.339.919.573
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		136.576.306	273.411.789
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	136.576.306	273.411.789
II. Tài sản cố định	220	4.9	8.836.044.974	8.352.887.379
1. Tài sản cố định hữu hình	221		8.715.515.272	8.232.357.677
- Nguyên giá	222		43.488.527.614	40.708.927.614
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.773.012.342)	(32.476.569.937)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	120.529.702	120.529.702
- Nguyên giá	228		120.529.702	120.529.702
III. Bất động sản đầu tư	230	4.11	6.841.777.177	14.201.973.405
- Nguyên giá	231		9.441.585.077	18.573.342.159
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.599.807.900)	(4.371.368.754)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		200.000.000	200.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.12	200.000.000	200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.054.797.332	2.311.647.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	2.054.797.332	2.311.647.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		123.581.488.243	138.804.091.301

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		94.405.471.766	110.137.425.762
I. Nợ ngắn hạn	310		89.534.228.389	100.264.257.144
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.14	51.754.193.807	57.530.059.666
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.15	1.187.163.159	153.973.396
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	7.268.158.113	18.289.881.604
4. Phải trả người lao động	314		16.462.018.189	18.504.303.841
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	4.166.829.206	4.163.881.848
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	7.698.032.863	-
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	202.861.705
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		997.833.052	1.399.295.084
II. Nợ dài hạn	330		4.871.243.377	9.873.168.618
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	4.871.243.377	9.751.687.306
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	121.481.312
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.17	29.176.016.477	28.666.665.539
I. Vốn chủ sở hữu	410		29.176.016.477	28.666.665.539
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.318.297.419	3.856.297.419
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.857.719.058	4.810.368.120
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.857.719.058	4.810.368.120
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		123.581.488.243	138.804.091.301


Người lập biểu
Nguyễn Thị Đào


Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Đào



Giám đốc
Phạm Nguyễn Chiến
Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày 17 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	244.110.587.060	302.893.729.404
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		244.110.587.060	302.893.729.404
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	211.090.358.089	269.078.836.539
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.020.228.971	33.814.892.865
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	651.561.428	1.968.616.895
7. Chi phí tài chính	22		-	31.431.693
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	31.431.693
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	27.063.672.687	29.382.686.636
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.608.117.712	6.369.391.431
11. Thu nhập khác	31	5.5	374.343.017	1.050.000
12. Chi phí khác	32	5.6	726.675.266	163.017.060
13. Lợi nhuận khác	40		(352.332.249)	(161.967.060)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.255.785.463	6.207.424.371
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.398.066.405	1.397.056.251
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.857.719.058	4.810.368.120
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	1.537	1.481
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.8	1.537	1.481

Người lập biểu

Nguyễn Thị Đào

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đào

Giám đốc

Phạm Nguyễn Chiến

Khánh Hòa, Việt Nam

Ngày 17 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(theo phương pháp trực tiếp)

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
I/	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		267.609.602.304	283.600.622.582
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(117.866.818.706)	(165.023.782.185)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(97.912.611.423)	(105.059.585.259)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		-	(31.431.693)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.332.057.790)	(1.777.604.758)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		146.380.006	3.204.677.814
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(54.916.880.201)	(31.620.126.291)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.272.385.810)	(16.707.229.790)
II/	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.001.968.000)	(829.445.831)
2.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		661.177.866	1.998.000.457
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.340.790.134)	1.168.554.626
III/	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ đi vay	33	6.1	7.698.032.863	11.745.824.900
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	-	(11.745.824.900)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.516.933.608)	(2.025.622.415)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.181.099.255	(2.025.622.415)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.432.076.689)	(17.564.297.579)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.528.167.930	26.092.465.509
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		7.096.091.241	8.528.167.930

Người lập biểu
Nguyễn Thị Đào

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Đào

Giám đốc
Phạm Nguyễn Chiến
Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày 17 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200285254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp lần đầu ngày 14/12/2010, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13/11/2024.

Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh do cổ phần hóa theo quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Giao thông vận tải, là công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 08/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 4 là 20.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 746 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 742 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động quản lý bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về giao thông đường sắt, đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2024, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giá định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định củng cố như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất,

nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 37
Máy móc thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: quyền sử dụng đất không thời hạn không thực hiện trích khấu hao.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà	25 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

3.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.12 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 05% chi phí xây lắp tương ứng với diện tích các căn hộ đã bán. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

3.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

3.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

3.16 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.17 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

3.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Trong năm 2024, hoạt động kinh doanh nhà ở xã hội thuộc dự án Chung cư đường sắt của Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%. Các hoạt động kinh doanh còn lại theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp thông thường hiện hành.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	552.744.632	18.578.692
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.543.346.609	3.509.589.238
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	5.000.000.000
	7.096.091.241	8.528.167.930

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang; Lãi suất từ 1,6%/ năm.

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	58.251.243.571	59.515.413.529
Ban Quản lý dự án Đường sắt	11.365.233.507	14.337.197.021
Công ty CP Công trình 793	7.099.870.000	7.099.870.000
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	4.506.102.476	-
Phải thu khách hàng khác	9.158.012.201	12.812.505.489
	90.380.461.755	93.764.986.039
Phải thu khách hàng ngắn hạn với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	63.026.873.786	63.305.195.492

4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần 504	182.500.000	182.500.000
Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc Khánh An	790.000.000	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	468.889.927	162.673.940
	1.441.389.927	345.173.940

4.4 Phải thu khác

4.4.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu lãi tiền gửi	-	-	9.616.438	-
Tạm ứng cho CBNV	2.950.700.181	-	4.487.753.296	-
Ông Đinh Văn Hòa (i)	2.186.521.179	(2.186.521.179)	2.186.521.179	(2.186.521.179)
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi phí đo đất năm 2010	933.473.987	-	933.473.987	-
Chi phí thu hồi vật tư	766.357.733	-	124.407.234	-
Các khoản phải thu khác	229.494.341	-	281.294.668	-
	7.066.547.421	(2.186.521.179)	8.023.066.802	(2.186.521.179)
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	933.473.987		933.473.987	

(i) Khoản phải thu Ông Đinh Văn Hòa về tiền bồi thường thiệt hại tai nạn giao thông đường sắt giữa tàu SQN4 với xe ô tô tải do lỗi của Ông Đinh Văn Hòa vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông Đường sắt (Theo bản án của Tòa án Nhân dân huyện Văn Canh, tỉnh Bình Định).

4.4.2 Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phí bảo trì	136.576.306	-	273.411.789	-
	136.576.306	-	273.411.789	-

4.5 Nợ xấu

Số cuối năm			Số đầu năm		
Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng	7.872.716.000	-		8.072.716.000	150.000.000
Xí nghiệp 305 - Công ty CP ĐTXD Công trình 3	> 3 năm 117.876.000	-	> 3 năm 117.876.000	-	-
Xí nghiệp 303 - Công ty CP ĐTXD Công trình 3	> 3 năm 64.108.000	-	> 3 năm 64.108.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	> 3 năm 190.862.000	-	> 3 năm 190.862.000	-	-
Công ty CP Công trình 793	> 3 năm 7.099.870.000	-	> 3 năm 7.099.870.000	-	-
Công ty CP Xây dựng Trường Lộc	> 3 năm 400.000.000	-	> 3 năm 600.000.000	150.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xây dựng Khánh Vĩnh	> 3 năm 130.740.000	-	> 3 năm 130.740.000	-	-
XN Sông Đà 10.2 - Công ty CP Sông Đà 10	> 3 năm 807.869.000	-	> 3 năm 807.869.000	-	-
Các khoản phải thu khác	2.186.521.179	-		2.186.521.179	-
Ông Đinh Văn Hòa	> 3 năm 2.186.521.179	-	> 3 năm 2.186.521.179	-	-
	10.997.846.179	-		11.197.846.179	150.000.000

4.6 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.690.500.321	-	6.339.396.755	-
Công cụ, dụng cụ	714.244.899	-	764.156.494	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	1.523.411.584	-	4.660.930.089	-
	8.928.156.804	-	11.764.483.338	-

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Gói thầu 02: C/tao, n/cấp Km1454+917-1613+510 tỉnh Bình Thuận	982.565.211	2.019.189.671
Gói thầu 01 (2023): SC cụm ghi chéo ga Nha Trang, tuyến ĐS H	-	1.772.399.745
Gói thầu số 10: Đường cong Km1040+286 - Dự án gia cố hầm, ga, cải tạo kiến trúc tầng đoạn Vinh - Nha Trang	-	794.376.512
Gói thầu 14: C/tao, n/cấp CT Km1363+780-Km1374+926 NT-SG	-	74.964.161
GT (2024) Trục gác ĐN Km 1288+320 xã Ninh Lộc	319.838.113	-
Dự án khác	221.008.260	-
	1.523.411.584	4.660.930.089

4.7 Chi phí trả trước

4.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị vốn ODA	999.911.323	1.124.900.239
CCDC chờ phân bổ	154.663.818	-
Chi phí trả trước khác	308.925.752	-
	1.463.500.893	1.124.900.239

4.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa máy nâng, giặt, chèn đường 08-8GS	2.054.797.332	2.311.647.000
	2.054.797.332	2.311.647.000

4.8 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.307.567.889	9.941.639.170	7.717.109.001	-	6.532.098.058
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	670.051.440	1.398.086.405	1.332.057.790	-	736.060.055
Thuế thu nhập cá nhân	961.239.619	-	1.151.179.405	323.930.378	133.990.592	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	13.312.262.275	2.853.566.617	16.165.828.892	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	961.239.619	18.289.881.604	15.348.451.597	25.542.926.061	133.990.592	7.268.158.113

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	13.575.512.496	9.991.158.367	15.196.271.278	1.945.985.473	40.708.927.614
Tăng trong năm					
Mua trong năm	-	999.200.000	1.780.400.000	-	2.779.600.000
Giảm trong năm					
Số dư cuối năm	13.575.512.496	10.990.358.367	16.976.671.278	1.945.985.473	43.488.527.614
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	13.586.265.651	7.229.846.926	10.612.919.721	1.067.537.639	32.476.569.937
Tăng trong năm					
Khấu hao trong năm	9.246.845	711.843.292	1.316.393.009	258.959.259	2.296.442.405
Giảm trong năm					-
Số dư cuối năm	13.575.512.496	7.941.690.218	11.929.312.730	1.326.496.898	34.773.012.342
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	9.246.845	2.761.311.441	4.583.351.557	878.447.834	8.232.357.677
Số dư cuối năm	-	3.048.668.149	5.047.358.548	619.488.575	8.715.515.272

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 30.016.444.487 VND, tại 01/01/2024 là 24.669.100.487 VND;

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 0 VND, tại 01/01/2024 là 0 VND.

4.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	120.529.702	120.529.702
Số dư cuối năm	120.529.702	120.529.702
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	120.529.702	120.529.702
Số dư cuối năm	120.529.702	120.529.702

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 0 VND, tại 01/01/2024 là 0 VND.

4.11 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	18.573.342.159	18.573.342.159
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm		
Thanh lý, nhượng bán	(9.131.757.082)	(9.131.757.082)
Số dư cuối năm	9.441.585.077	9.441.585.077
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư đầu năm	4.371.368.754	4.371.368.754
Tăng trong năm		
Khấu hao trong năm	742.933.689	742.933.689
Giảm trong năm		
Thanh lý, nhượng bán	(2.514.494.543)	(2.514.494.543)
Số dư cuối năm	2.599.807.900	2.599.807.900
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	14.201.973.405	14.201.973.405
Số dư cuối năm	6.841.777.177	6.841.777.177

4.12 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	200.000.000	-	(*)	200.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Vật tư Đường sắt	200.000.000	-	(*)	200.000.000	-	(*)
Sài Gòn						
	200.000.000	-	-	200.000.000	-	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

4.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nha Trang (i)	7.698.032.863	7.698.032.863	7.698.032.863	-	-	-
	7.698.032.863	7.698.032.863	7.698.032.863	-	-	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các Hợp đồng vay ngắn hạn còn số dư tại 31/12/2024:

(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/8552332/HĐTD ngày 20/12/2024; Giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nha Trang với Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh:

- Hạn mức vay: 40.000.000.000 VND;
- Thời hạn vay: Thời gian vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ;
- Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ;
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Biện pháp bảo đảm: Tín chấp.

4.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng & Thương mại Đường sắt Đông Dương	31.452.266.252	31.452.266.252	16.677.934.058	16.677.934.058
Công ty CP Công trình 6	1.112.408.928	1.112.408.928	8.186.963.040	8.186.963.040
Công ty CP Xây dựng và Phát triển HTC	7.739.235.233	7.739.235.233	7.763.208.240	7.763.208.240
Công ty TNHH Quyết Thắng	2.235.166.658	2.235.166.658	3.583.361.163	3.583.361.163
Công ty TNHH Đầu tư Tân Hà	2.831.695.909	2.831.695.909	690.221.722	690.221.722
Các đối tượng khác	6.383.420.827	6.383.420.827	20.628.371.443	20.628.371.443
	51.754.193.807	51.754.193.807	57.530.059.666	57.530.059.666
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	1.580.438.865		2.863.408.043	

4.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD ADC	1.169.380.000	129.380.000
Các đối tượng khác	17.783.159	24.593.396
	1.187.163.159	153.973.396

4.16 Phải trả khác

4.16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	307.494.126	284.563.872
Bảo hiểm xã hội	1.293.708.043	1.204.193.844
Bảo hiểm thất nghiệp	101.467.278	94.446.576
Phải trả tiền công vật tư thu hồi SCTX KCHTBS	1.220.843.001	691.734.200
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.487.802	26.421.210
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.233.829.156	1.882.522.146
	4.166.829.206	4.183.881.848

4.16.2 Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận kỳ quỹ, kỷ cược dài hạn	4.871.243.377	9.751.687.306
	4.871.243.377	9.751.687.306

4.17 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	3.112.536.419	4.519.202.530	27.631.738.949
Lợi nhuận trong năm trước (i)	-	-	4.810.368.120	4.810.368.120
Phân phối lợi nhuận (i)				
Chia Cổ tức	-	-	(2.040.000.000)	(2.040.000.000)
Trích lập quỹ	-	743.761.000	(2.479.202.530)	(1.735.441.530)
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	3.856.297.419	4.810.368.120	28.666.665.539
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	3.856.297.419	4.810.368.120	28.666.665.539
Lợi nhuận trong năm (ii)	-	-	4.857.719.058	4.857.719.058
Phân phối lợi nhuận (ii)				
Chia Cổ tức	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích lập quỹ	-	462.000.000	(2.310.368.120)	(1.848.368.120)
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	4.318.297.419	4.857.719.058	29.176.016.477

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01-23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2023

	Số tiền VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.512.313.530
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	223.128.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	743.761.000
Chia cổ tức	2.040.000.000
Tổng	4.519.202.530

(ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01-24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2024:

	Số tiền VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.617.368.120
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	231.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	462.000.000
Chia cổ tức	2.500.000.000
Tổng	4.810.368.120

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	10.200.000.000	51,00%	10.200.000.000	51,00%
Vốn của các đối tượng khác	9.800.000.000	49,00%	9.800.000.000	49,00%
	20.000.000.000	100%	20.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.500.000.000	2.040.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

Phân phối lợi nhuận		Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối		4.810.368.120	4.519.202.530
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm		4.857.719.058	4.810.368.120
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm		9.668.087.178	9.329.570.650
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:		(4.810.368.120)	(4.519.202.530)
- Chia cổ tức năm nay		(2.500.000.000)	(2.040.000.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển		(462.000.000)	(743.761.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(1.617.368.120)	(1.512.313.530)
- Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành		(231.000.000)	(223.128.000)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		4.857.719.058	4.810.368.120
4.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán			
Tài sản nhận giữ hộ			
Vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam; Trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm			
5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
	Năm nay VND	Năm trước VND	
Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên	218.039.031.647	215.317.145.754	
Doanh thu hoạt động BĐS	6.684.856.029	128.093.863	
Doanh thu hoạt động khác	19.386.699.384	87.448.489.787	
	244.110.587.060	302.893.729.404	
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	225.114.310.736	234.008.106.159	
5.2 Giá vốn hàng bán			
	Năm nay VND	Năm trước VND	
Giá vốn hoạt động sửa chữa thường xuyên	184.107.523.478	182.399.542.094	
Giá vốn hoạt động BĐS	6.971.344.375	742.933.689	
Giá vốn hoạt động khác	20.011.490.236	85.936.360.756	
	211.090.358.089	269.078.836.539	
5.3 Doanh thu hoạt động tài chính			
	Năm nay VND	Năm trước VND	
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	651.561.428	1.968.616.895	
	651.561.428	1.968.616.895	

5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.114.919.631	13.843.808.192
Chi phí vật liệu quản lý	1.023.662.942	864.038.964
Chi phí đồ dùng văn phòng	509.101.871	673.453.186
Chi phí khấu hao TSCĐ	524.344.975	689.847.852
Thuế, phí và lệ phí	70.225.816	61.758.413
Chi phí dự phòng	-	807.869.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.225.401.613	1.784.250.909
Chi phí bằng tiền khác	10.596.015.839	10.657.660.120
	27.063.672.687	29.382.686.636

5.5 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản khác	374.343.017	1.050.000
	374.343.017	1.050.000

5.6 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ HĐ SXKD	25.905.000	51.810.000
Chi phạt vi phạm hành chính, chậm nộp	4.641.494	8.042.354
Chi trả tiền mua nhà ở xã hội	615.286.902	-
Các chi phí khác	80.841.870	103.164.706
	726.675.266	163.017.060

5.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	1.396.492.146	1.397.056.251
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	1.574.259	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.398.066.405	1.397.056.251

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Hoạt động kinh doanh khác		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.283.400.024	6.822.264.197
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	726.675.266	163.017.060
Các khoản điều chỉnh tăng	726.675.266	163.017.060
Các khoản chi phí không được trừ	726.675.266	163.017.060
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Chuyển lỗ và các khoản bù trừ lãi, lỗ	1.027.614.561	-
Thu nhập tính thuế TNDN	6.982.460.729	6.985.281.257
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.396.492.146	1.397.058.251
II. Hoạt động kinh doanh bất động sản		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.027.614.561)	(614.839.826)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Chuyển lỗ và các khoản bù trừ lãi, lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(1.027.614.561)	(614.839.826)
Thuế suất thuế TNDN	10%	10%
Thuế TNDN phải nộp của hoạt động BĐS trong năm	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	1.396.492.146	1.397.058.251
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	1.574.259	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.398.066.405	1.397.058.251

5.8 Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.857.719.058	4.810.368.120
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.857.719.058	4.810.368.120
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.784.446.000)	(1.848.368.120)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.537	1.481
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1537	1481

(i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định theo phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông - Nghị quyết số 01-24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2024 tại phiên họp thường niên năm 2024.

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.777.669.085	146.406.221.067
Chi phí nhân công	118.484.325.314	127.099.395.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.013.471.094	2.746.308.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.503.958.268	4.296.884.158
Chi phí dự phòng	-	807.869.000
Chi phí khác bằng tiền	16.619.825.971	20.479.632.141
	228.399.249.732	301.836.310.073

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	7.698.032.863	11.745.824.900
	7.698.032.863	11.745.824.900

6.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	-	11.745.824.900
	-	11.745.824.900

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương	2.261.674.000	2.130.846.470

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

7.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (TCT)	Công ty mẹ
Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	Công ty con của TCT
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con của TCT
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	Công ty con của TCT
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	Công ty con của TCT
Công ty CP Vận tải Đường sắt	Công ty con của TCT
Công ty CP Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn	Công ty con của TCT
Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con của TCT
Công ty CP Vận tải Đường sắt - CN toa xe Đà Nẵng	Chi nhánh của Công ty CP Vận tải Đường sắt
Công ty CP Vận tải Đường sắt - CN toa xe Sài Gòn	Chi nhánh của Công ty CP Vận tải Đường sắt
Công ty CP xe lửa Dĩ An	Công ty con của TCT
CN TCT ĐSVN - Xi nghiệp Đầu máy Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của TCT
CN TCT ĐSVN - Xi nghiệp Đầu máy Sài Gòn	Đơn vị phụ thuộc của TCT
CN TCT ĐSVN - Khai thác Đường sắt Sài Gòn	Đơn vị phụ thuộc của TCT
Trường Cao đẳng Đường sắt - Phân hiệu Phía Nam	Đơn vị sự nghiệp của TCT
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị phụ thuộc của TCT
Ban Quản lý Dự án Đường sắt khu vực 1	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên	218.039.031.647	215.317.145.754
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.902.961.982	12.311.121.518
Công ty CP TTTH ĐS Sài Gòn	Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	6.379.838.887
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.172.317.107	-
		225.114.310.736	234.008.106.159
Các giao dịch khác	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Chia cổ tức	1.275.000.000	1.040.400.000
		1.275.000.000	1.040.400.000

Mua hàng hóa dịch vụ	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn	Thi công công trình	260.824.390	340.928.966
Công ty CP vận tải Đường sắt	Vé tàu	169.987.190	-
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	Thi công công trình	-	527.381.209
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Chi phí thuê máy móc	77.490.147	205.439.190
Trường Cao đẳng Đường sắt – Phân hiệu Phía Nam	Chi phí đào tạo	61.946.640	221.505.240
Trung tâm Y tế Đường sắt	Chi phí khám sức khỏe	262.500.000	504.330.000
CN TCT ĐSVN - Xi nghiệp Đầu máy Hà Nội	Chi phí thuê máy móc	1.258.470.120	2.730.880.161
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	Thi công công trình	(270.245.455)	-
Công ty CP xe lửa Gia Lâm	Mua nguyên vật liệu	296.400.000	-
Công ty CP Vận tải Đường sắt - CN toa xe Đà Nẵng	Chi phí bảo dưỡng toa xe	35.031.000	-
		2.152.404.032	4.530.464.766

Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	58.251.243.571	59.515.413.529
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	4.506.102.476	
Công ty CP TTTH ĐS Sài Gòn	269.527.739	3.789.781.963
	63.026.873.786	63.305.195.492

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	171.468.612
Trường Cao đẳng Đường sắt – Phân hiệu Phía Nam	-	210.834.000
Trung tâm Y tế Đường sắt	-	231.350.000
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	580.753.000	878.023.000
CN TCT ĐSVN - Xi nghiệp Đầu máy Hà Nội	679.573.865	1.371.732.431
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	320.112.000	-
	1.580.438.865	2.863.408.043

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phải thu khác		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	933.473.987	933.473.987
	933.473.987	933.473.987

7.3. Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

7.4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Chỉ tiêu Lãi trên cổ phiếu được trình bày lại, nguyên nhân như đã nêu tại mục 5.8 - Lãi trên cổ phiếu:

TT	Khoản mục	Mã số	Số theo BCKT năm 2023	Số trình bày lại	Chênh lệch
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.503	1.481	(22)
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.503	1.481	(22)

Người lập biểu
Nguyễn Thị Đào

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Đào



Giám đốc
Phạm Nguyễn Chiến
Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày 17 tháng 02 năm 2025

Phụ lục số 01: Chi tiết vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

TT	Tên vật tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	Ray P50 hỏng	m	5.800,00	m	3.700,00
2	Ray P43 hỏng	m	51.498,00	m	38.679,00
3	Ray P30 hỏng	m	1.301,00	m	1.071,00
4	TVBT các loại hỏng	thanh	38.350,00	thanh	23.969,00
5	TVS hỏng	thanh	36.145,00	thanh	30.529,00
6	Lưỡi ghi P43	cái	7,00	cái	4,00
7	Tâm ghi p43	cái	5,00	cái	2,00
8	Lập lách P43 các loại hỏng	bộ	3.917,00	bộ	2.971,00
9	Lập lách ĐB các loại hỏng	bộ	55,00	bộ	37,00
10	Lập lách P30 hỏng	bộ	96,00	bộ	86,00
11	Lập lách P50 hỏng	bộ	271,00	bộ	162,00
12	Đinh mối hỏng các loại	cái	26.796,00	cái	20.205,00
13	Đinh cóc hỏng các loại	cái	308.905,00	cái	223.403,00
14	Cóc hỏng các loại	cái	283.869,00	cái	215.361,00
15	Rong đen hỏng	cái	10.843,00	cái	10.843,00
16	Cần sắt hỏng các loại	cái	195.874,00	cái	139.539,00
17	Đệm sắt hỏng các loại	cái	18.306,00	cái	13.130,00
18	Đinh móc hỏng	cái	607,00	cái	370,00
19	Bulon hỏng	cái	2.772,00	cái	1.961,00
20	Đinh tierphon hỏng	cái	15.744,00	cái	11.115,00
21	Đinh campon hỏng	cái	11.780,00	cái	8.935,00

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-ĐSPK ngày 12/02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03-25/NQ-ĐSPK ngày 25/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh (sau đây viết tắt là HĐQT) trân trọng Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2024 và xây dựng kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2025, như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 (ĐHĐCĐ)

Năm 2024, cũng như những năm qua, tập thể Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh (Công ty) và người lao động, luôn phát huy tinh thần đoàn kết, đồng lòng và ý chí quyết tâm cao, nỗ lực phấn đấu vượt qua những khó khăn đã thực hiện và hoàn thành kế hoạch SXKD cùng các công tác khác. Hoạt động của HĐQT với vai trò định hướng, giám sát và chỉ đạo các nhiệm vụ, công tác của Công ty đã góp phần quan trọng làm nên những thắng lợi chung như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện (Theo BC tài chính năm 2024 đã được kiểm toán)		Tỷ lệ % thực hiện so với	
				Cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	đồng	235.618.536.000	304.863.396.299	245.136.491.505	80,41%	104,04%
1	Doanh thu thuần về bán	đồng		302.893.729.404	244.110.587.060		

	hàng và cung cấp dịch vụ						
2	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng		1.968.616.895	651.561.428		
3	Thu nhập khác	đồng		1.050.000	374.343.017		
II	Tổng chi phí	đồng	229.364.556.000	298.655.971.928	238.880.706.042	79,99%	104,15%
1	Giá vốn	đồng		269.078.836.539	211.090.358.089		
2	Chi phí tài chính	đồng		31.431.693	0		
3	Chi phí QLDN	đồng		29.382.686.636	27.063.672.687		
4	Chi phí khác	đồng		163.017.060	726.675.266		
III	Lợi nhuận trước thuế	đồng	6.253.980.000	6.207.424.371	6.255.785.463	100,78%	100,03%
IV	Lợi nhuận sau thuế	đồng	4.846.446.000	4.810.368.120	4.857.719.058	100,98%	100,23%
V	Tỷ lệ trả cổ tức	%	13%	12,5%	13%	104,00%	100,00%
VI	Tổng quỹ lương BQ	đồng	100.118.000.000	105.169.000.000	102.034.030.491	97,02%	101,91%
VII	Số lao động BQ cuối kỳ	người	750	747	739,5	99,00%	98,60%
XIII	Thu nhập Bq NLĐ	đ/ng/thg	11.124.000	11.732.000	11.498.000	98,01%	103,36%
IX	Vốn điều lệ	đồng	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	100,00%	100,00%

2. Thực hiện các nội dung công tác khác:

Các nội dung công tác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ giao, HĐQT đã triển khai, tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng quy định, cụ thể như sau:

- Thống nhất chấp thuận hợp đồng, phụ lục hợp đồng, thanh lý hợp đồng về việc đặt hàng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt năm 2024 giữa Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh.

- Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện Báo cáo tài chính năm 2024 là Công ty TNHH kiểm toán và định giá Quốc tế.

- Thống nhất các nội dung để trình ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua tại cuộc họp này các vấn đề như: Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; Phân phối lợi nhuận và Lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

1. Tình hình nhân sự:

HĐQT Công ty năm 2024, gồm có 03 thành viên:

- Ông Bùi Văn Quang - Chủ tịch HĐQT;
- Ông Phạm Nguyễn Chiến - Thành viên HĐQT;
- Ông Đặng Anh Tuấn - Thành viên HĐQT.

2. Tình hình hoạt động:

2.1. Công tác quản trị Công ty:

- Trong Quý I/2024, HĐQT đã tích cực chỉ đạo Ban điều hành, bộ máy giúp việc chuẩn bị tốt các nội dung công tác nhất là việc xây dựng các tài liệu (*Báo cáo, Tờ trình*) bảo đảm tính xác thực và định hướng đúng đắn để ĐHĐCĐ thảo luận và thống nhất thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2024, với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp đối với các vấn đề theo Chương trình cuộc họp đề ra.

- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức họp và lấy ý kiến bằng phiếu biểu quyết các thành viên gồm có: 59 lần, đã ban hành 19 Nghị quyết và 40 Quyết định để thống nhất các chủ trương, định hướng làm cơ sở pháp lý cho công tác quản trị, chỉ đạo các hoạt động SXKD của Công ty. Trong đó, có quyết định bổ nhiệm: 02 Phó giám đốc và 01 Kế toán trưởng Công ty.

- Thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, công tác theo Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT. Theo đó, đã chỉ đạo tổ chức thực hiện, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2024 đạt được các chỉ tiêu chủ yếu về sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các công tác của Công ty.

- Hàng quý trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ công tác quý trước, xác định nguyên nhân tồn tại để đưa ra các giải pháp khắc phục và giao kế hoạch, nhiệm vụ công tác quý sau để Giám đốc Công ty triển khai, tổ chức thực hiện.

- Các thành viên HĐQT được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban sản xuất và tiếp nhận đầy đủ các Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD hàng quý của Giám đốc Công ty. Qua đó, nắm bắt được những khó khăn, vướng mắc trong công tác chỉ đạo, điều hành, từ đó đã cùng với Ban Giám đốc thảo luận, bàn bạc để đưa ra các giải pháp tháo gỡ kịp thời, đạt hiệu quả.

- Chỉ đạo bộ máy giúp việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty nhằm bảo đảm quyền lợi cho các cổ đông như: Nhận cổ tức đúng thời gian quy định; Nắm bắt đầy đủ các thông tin công bố theo quy định một cách trung thực, minh bạch.

- Các thành viên HĐQT luôn thực hiện đầy đủ, hoàn thành các nhiệm vụ, công tác theo sự phân công.

2.2. Công tác giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý các phòng chuyên môn:

Thông qua việc giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành của Giám đốc và việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ quản lý Công ty, HĐQT đánh giá cao tinh thần chủ động, tích cực của Ban Giám đốc trong việc triển khai, tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ, công tác theo Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT với những nội dung chủ yếu, như sau:

- Tổ chức thực hiện và hoàn thành các công tác như: Quản lý kỹ thuật cầu đường; Quản lý đường ngang; Lối đi tự mở và bảo đảm ATGTĐS, ANTT; Kế hoạch và vật tư; Quản lý tài chính; Tổ chức, hành chính và Y tế.

- Chỉ đạo, điều hành các phòng chuyên môn và các đơn vị hiện trường triển khai, tổ chức thực hiện, hoàn thành 100% khối lượng kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt theo hợp đồng đặt hàng với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Quan tâm chỉ đạo sâu sát công tác sửa chữa đường xấu, chống xóc lắc; Giữ ổn định trạng thái, chất lượng cầu đường và duy trì tốc độ chạy tàu bình quân 78,78 km/h, theo đúng quy định công lệnh tốc độ. Đặc biệt, đã chủ động phối hợp kịp thời với Ban quản lý dự án 85, nhà thầu thi công và các đơn vị đường sắt trong khu vực khẩn trương, nỗ lực trong công tác chuyển tải hành khách, khắc phục sự cố sạt lở hầm Bãi Gió và Chí Thạnh vào các tháng 4 và 5 năm 2024.

- Chỉ đạo, tổ chức thi công hoàn thành các gói thầu ngoài hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt bảo đảm đúng tiến độ, đạt yêu cầu chất lượng và lập đầy đủ hồ sơ thanh quyết toán đối với các gói thầu nêu trên.

- Trong công tác bảo đảm an toàn giao thông đường sắt: Ban Giám đốc Công ty đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị hiện trường và trực tiếp thực hiện kiểm tra công tác tuần thủ, chốt gác đường ngang; Thường xuyên áp máy kiểm tra đường; Chủ động trong công tác phòng chống bão lũ, ứng phó sự cố thiên tai, kịp thời phát hiện và tổ chức tốt công tác khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra. Năm 2024, Công ty đã giữ vững ATCT, không để xảy ra sự cố, tai nạn chạy tàu do chủ quan.

- Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động như: Thu nhập bình quân của NLD trong năm 2024 đạt được: 11.498.000 đồng/người/tháng, tăng 3,36% so với kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua; Tổ chức thành công ngày Hội VH-TT lần thứ 36 năm 2024 và các đoàn tham quan, du lịch, thu hút đông đảo NLD tham gia.

IV. KẾ HOẠCH SXKD, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD đạt được trong năm 2024;

Trên cơ sở nhận định tình hình hoạt động SXKD năm 2025, có thể có những khó khăn và thuận lợi nhất định, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất đề ra Kế hoạch SXKD và phương hướng hoạt động năm 2025 như sau:

1. Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển:

1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
1	Tổng doanh thu	Đồng	<u>258.132.536.000</u>
-	Công ích	Đồng	226.702.078.000
-	Ngoài công ích	Đồng	31.430.458.000
2	Tổng chi phí	Đồng	252.832.009.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	5.300.527.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	4.240.421.600
5	Vốn điều lệ	Đồng	20.000.000.000
6	Cổ tức	%	11,0%
7	Số lao động bình quân (Người lao động và Ban điều hành)	Người	768
8	Mức tiền lương bình quân của người lao động và Ban điều hành	Đồng/người/tháng	11.399.300

1.2. Kế hoạch đầu tư phát triển:

- Đầu tư mua sắm 01 toa xe chờ hàng chạy trên đường sắt có gác cản cầu.

2. Phương hướng hoạt động:

Năm 2025, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh một số hoạt động như sau:

- Triển khai, xây dựng các chủ trương, định hướng hoạt động SXKD và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, công tác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã thống nhất thông qua.

- Chỉ đạo Ban điều hành chủ động báo cáo, làm việc với các cấp chính quyền địa phương có thẩm quyền về tình hình thực hiện Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt đề án đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông và xử lý dứt điểm lỗi đi tự mở qua đường sắt.

- Triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Tích cực trong công tác giám sát, chỉ đạo Ban điều hành, bộ máy giúp việc triển khai, tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ, công tác để bảo đảm đạt được các chỉ tiêu chủ yếu về SXKD theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT và hoàn thành tốt các công tác quản lý theo chức năng, nhiệm vụ để đảm bảo ATGTĐS, ATLD, ANTT và PCCN trên toàn tuyến đường sắt thuộc phạm vi quản lý của Công ty.

- Quan tâm công tác đào tạo nội bộ, lựa chọn các chuyên viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và các công nhân có năng lực để cử tham gia các lớp đào tạo đường sắt tốc độ cao chuẩn bị nguồn nhân lực đủ điều kiện tham gia thực hiện các dự án xây dựng công trình đường sắt trong thời gian tới; Tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn theo quy hoạch nhằm bảo đảm tính kế thừa và phát huy vai trò, năng lực trong công tác lãnh đạo, quản trị và điều hành Công ty.

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định các vấn đề được ĐHĐCĐ giao và các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Quan tâm đến quyền lợi hợp pháp của các cổ đông như: Trả cổ tức đúng thời gian quy định; Tiếp nhận đầy đủ các thông tin liên quan đến cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty ...; Quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của NLĐ Công ty.

Trên đây là Báo cáo của HĐQT Công ty, kính trình ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh ban hành kèm theo Quyết định số 155/QĐ-ĐSPK-BKS ngày 26/5/2021,

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2024 và kế hoạch năm 2025 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh được tổ chức ngày 26/5/2021 đã bầu được Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 với 03 thành viên. Danh sách như sau:

- | | |
|------------------------------|----------------------------|
| + Ông: Nguyễn Dũng Hưng | - Trưởng Ban kiểm soát |
| + Bà: Nguyễn Thị Việt Phương | - Thành viên Ban kiểm soát |
| + Ông: Hoàng Nam Cao | - Thành viên Ban kiểm soát |

Thực hiện theo Thông báo số 566/TB-ĐSPK ngày 29/7/2021 của Ban Kiểm soát về việc phân công nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2024. Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao; đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

1. Thẩm định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh năm 2024 đã được thực hiện đầy đủ, rõ ràng trong báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2024 và đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá quốc tế thực hiện kiểm toán.

Các chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết ĐHĐCĐ giao năm 2024, thực hiện như sau:



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch ĐHCĐ	Thực hiện 2024	So với Kế hoạch (%)
1	Doanh thu	đồng	235.618.536.000	245.136.491.505	104,0%
2	Tổng chi phí	đồng	229.364.556.000	238.880.706.042	104,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	6.253.980.000	6.255.785.463	100,0%
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	4.846.446.000	4.857.719.058	100,2%
5	Vốn điều lệ	đồng	20.000.000.000	20.000.000.000	100%
6	Cổ tức	%	13	13	100%
7	Lao động bình quân	Người	750	739,5	98,6%
8	Tiền lương BQ NLD	đồng/ng/th	11.124.000	11.498.000	103,4%

Năm 2024, Công ty vẫn phải chịu nhiều tác động của thị trường, tiếp tục hoàn thiện, nâng cao công tác quản lý, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện lực lượng lao động thiên về biến động giảm, công tác tuyển dụng lao động gặp nhiều khó khăn,... nhưng Công ty đã nỗ lực hết mình trong quản lý, giám sát, điều hành, bố trí hợp lý cơ cấu lao động, chiết giảm chi phí,... nên vẫn đảm bảo đạt và vượt kế hoạch Doanh thu, Lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Thẩm định Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính năm 2024 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Các báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá quốc tế là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính và đã được Tổng công ty ĐSVN chấp thuận.

- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo quy định. Công tác báo cáo, công bố thông tin được thực hiện theo quy định.

- Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024: Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số liệu cụ thể như sau:

ĐVT: VND

TT	Chỉ tiêu	01/01/2024	31/12/2024
A	TÀI SẢN:		
I	Tài sản ngắn hạn	113.464.171.728	105.512.292.454
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	8.528.167.930	7.096.091.241
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	91.085.380.602	87.890.552.924
4	Hàng tồn kho	11.764.483.338	8.928.156.804
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.086.139.858	1.597.491.485
II	Tài sản dài hạn	25.339.919.573	18.069.195.789
1	Các khoản phải thu dài hạn	273.411.789	136.576.306
2	Tài sản cố định	8.352.887.379	8.836.044.974
	- Tài sản cố định hữu hình	8.232.357.677	8.715.515.272
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Tài sản cố định vô hình	120.529.702	120.529.702
3	Bất động sản đầu tư	14.201.973.405	6.841.777.177

TT	Chỉ tiêu	01/01/2024	31/12/2024
4	Tài sản dở dang dài hạn		
5	Đầu tư tài chính dài hạn	200.000.000	200.000.000
6	Tài sản dài hạn khác	2.311.647.000	2.054.797.332
	Tổng cộng Tài sản:	138.804.091.301	123.581.488.243
B	NGUỒN VỐN:		
I	Nợ phải trả	110.137.425.762	94.405.471.766
1	Nợ ngắn hạn	100.264.257.144	89.534.228.389
2	Nợ dài hạn	9.873.168.618	4.871.243.377
II	Vốn chủ sở hữu	28.666.665.539	29.176.016.477
1	Vốn chủ sở hữu	28.666.665.539	29.176.016.477
	- <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
	- <i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</i>		
	- <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>3.856.297.419</i>	<i>4.318.297.419</i>
	- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>4.810.368.120</i>	<i>4.857.719.058</i>
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	Tổng cộng nguồn vốn:	138.804.091.301	123.581.488.243

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2024:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	01/01/2024	31/12/2024
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	18,26%	14,62%
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	81,74%	85,38%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	79,35%	76,39%
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	20,65%	23,61%
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,01	1,08
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn /Nợ ngắn hạn)	Lần	1,13	1,18
4	Hiệu quả			
	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	%	1,58%	1,98%
	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản(ROA)	%	3,47%	3,93%
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	20,16%	19,98%

- Công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ SXKD; đảm bảo có lợi nhuận, trích lập các quỹ theo đúng quy định, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

- Về các chỉ tiêu hiệu quả ROA & ROE: ổn định ở mức tương đối cao qua các năm 2023&2024.

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 1,18 (đảm bảo lớn hơn 1 lần) và chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh là 1,08 cho thấy tình hình thanh khoản tạm ổn.

- Công ty theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu theo từng đối tượng khách hàng, theo từng hợp đồng, có phân loại tuổi nợ chi tiết thể hiện sự chủ động trong phân loại, xử lý các khoản công nợ này, đảm bảo không gây ảnh hưởng đột biến tới kết quả kinh doanh hàng năm.

- Sau khi xem xét, thẩm tra, Ban kiểm soát hoàn toàn đồng ý với Báo cáo kiểm toán và nhất trí xác nhận số liệu tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá quốc tế.

4. Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý của hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

4.1. Giám sát hoạt động của HĐQT và công tác điều hành của Giám đốc trong năm 2024

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Giám đốc của Công ty trong năm 2024, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty. Các kết luận của các đoàn kiểm tra được HĐQT, Giám đốc tiếp thu và chỉ đạo tổ chức triển khai theo các yêu cầu đề ra.

Báo cáo hoạt động của HĐQT, Giám đốc đã phản ánh đầy đủ các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty. Các văn bản, Nghị quyết của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại chưa hoàn thành và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm. Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2024 về các mặt của Công ty.

4.2. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Tổ chức triển khai thực hiện bám sát các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá quốc tế là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo đúng Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Nhìn chung trong năm 2024, HĐQT và Giám đốc Công ty đã có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT;.... Các đơn vị trực thuộc, phòng/ban nghiệp vụ đã có nhiều nỗ lực trong việc tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ, tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, duy trì và bảo toàn vốn của các cổ đông.

4.3. Các hoạt động công tác khác:

Các quy trình hoạt động của Công ty về cơ bản tuân thủ theo đúng pháp luật; các chế độ, quyền lợi của CB CNLĐ được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cụ thể:

+ Ký kết hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật lao động. Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CB CNLĐ; thực hiện nâng bậc, nâng lương đúng quy định.

+ Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ đúng quy định; các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, từ trần, ốm đau, bệnh tật được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác nhằm đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động trong Công ty.

Các tổ chức chính trị xã hội: công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật Doanh nghiệp.

II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025:

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh và theo Thông báo số 566/TB-ĐSPK ngày 29/7/2021 của Ban Kiểm soát về việc phân công nhiệm vụ, Ban kiểm soát xây dựng chương trình kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2025 với những nội dung sau:

1. Giám sát hoạt động sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025:

1.1. Giám sát việc trích lập các quỹ, phân chia cổ tức theo Phương án phân phối lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thường niên chấp thuận;

1.2. Giám sát tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

1.3. Giám sát việc tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ.

2. Nhiệm vụ giám sát thường xuyên:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị

- Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án;

- Tham gia phối hợp với đơn vị Kiểm toán độc lập theo kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025. Thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên 2026.

- Tham gia các khóa học đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Tiếp tục rà soát bổ sung, sửa đổi hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế nội bộ phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành liên quan và tình hình thực tế đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

- Tiếp tục tổ chức vận động, giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về an toàn chạy tàu, an toàn lao động và tăng cường công tác giám sát kiểm tra an toàn nhằm giảm thiểu tối đa tại nạn các mặt.

- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể; duy trì sự đồng thuận cao thông qua việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

Trên đây là những nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2024 và chương trình hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh hôm nay, Ban kiểm soát trân trọng báo cáo và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua và xác nhận báo cáo của Ban kiểm soát.

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển ổn định và bền vững, chúc Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, chúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban GD Cty;
- Lưu: BKS, VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Dũng Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và Kế hoạch phân phối
lợi nhuận năm 2025**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-ĐSPK ngày 12/02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03-25/NQ-ĐSPK ngày 25/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua phương án Phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025, như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	6.255.785.463
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Đồng	4.857.719.058
3	Lợi nhuận phân phối	Đồng	4.857.719.058
3.1	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Đồng	0
3.2	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	462.000.000
3.3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	1.564.719.058
	- <i>Quỹ khen thưởng</i>	Đồng	776.723.000
	- <i>Quỹ phúc lợi</i>	Đồng	787.996.058
3.4	Quỹ thưởng ban điều hành	Đồng	231.000.000
3.5	Chia cổ tức bằng tiền, trong đó:	Đồng	2.600.000.000
	- <i>Cổ tức phần vốn Nhà nước</i>	Đồng	1.326.000.000
	- <i>Cổ tức các cổ đông khác</i>	Đồng	1.274.000.000
*	<i>Tỷ lệ cổ tức (% năm)</i>		13,0%

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	5.300.527.000
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Đồng	4.240.421.600
3	Lợi nhuận phân phối	Đồng	4.240.421.600
3.1	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Đồng	0
3.2	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	127.000.000
3.3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	<u>1.598.921.600</u>
	- <i>Quỹ khen thưởng</i>	Đồng	780.000.000
	- <i>Quỹ phúc lợi</i>	Đồng	818.921.600
3.4	Quỹ thưởng ban điều hành	Đồng	314.500.000
3.5	Chia cổ tức bằng tiền, trong đó:	Đồng	<u>2.200.000.000</u>
	- <i>Cổ tức phần vốn Nhà nước</i>	Đồng	1.122.000.000
	- <i>Cổ tức các cổ đông khác</i>	Đồng	1.078.000.000
*	Tỷ lệ cổ tức (% năm)		11,0%

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc: Lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2024
và Kế hoạch năm 2025**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-ĐSPK ngày 12/02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03-25/NQ-ĐSPK ngày 25/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông, thảo luận và thông qua các vấn đề về: Lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 và Kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 của người lao động và người quản lý Công ty, như sau:

I. Thực hiện năm 2024:

1. Lao động thực tế sử dụng bình quân: 746 người (trong đó: Người quản lý chuyên trách 6,5 người, Người lao động 739,5 người).

2. Tổng quỹ lương thực hiện người lao động: 102.034.030.400 đồng (trong đó, mức tiền lương bình quân người lao động: 11.498.000 đồng/người/tháng).

3. Tổng quỹ lương thực hiện của người quản lý chuyên trách: 2.261.674.000 đồng (trong đó, mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách đại diện phần vốn nhà nước: 32.106.500 đồng/người/tháng, mức tiền lương bình quân của người quản lý chuyên trách không đại diện phần vốn nhà nước: 27.613.300 đồng/người/tháng).

4. Tổng quỹ thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách: 57.600.000 đồng, trong đó mức thù lao bình quân: 1.600.000 đồng/người/tháng.

5. Quỹ tiền thưởng, phúc lợi thực hiện của người lao động: 1.564.719.058 đồng.

6. Quỹ tiền thưởng thực hiện của người quản lý: 231.000.000 đồng.

II. Kế hoạch năm 2025:

1. Tổng số lao động kế hoạch: 770 người (trong đó: Người lao động 762 người, Thành viên hội đồng chuyên trách 01 người, Kiểm soát viên chuyên trách 01 người, Ban điều hành 06 người).

2. Tổng quỹ lương kế hoạch của người lao động và Ban điều hành: 105.055.972.300 đồng (trong đó, quỹ tiền lương bình quân người lao động: 103.074.707.500 đồng, quỹ tiền lương bình quân của Ban điều hành: 1.981.264.800 đồng).

Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động và Ban điều hành: 11.399.300 đồng/người/tháng (trong đó, mức tiền lương bình quân của người lao động: 11.272.400 đồng/người/tháng, mức tiền lương bình quân của Ban điều hành: 27.517.600 đồng).

3. Tổng quỹ lương kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách: 720.627.600 đồng (trong đó, mức tiền lương bình quân của Chủ tịch HĐQT: 32.848.500 đồng/người/tháng, Trưởng ban kiểm soát: 27.203.800 đồng/người/tháng).

4. Tổng quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý không chuyên trách: 86.400.000 đồng, trong đó mức thù lao bình quân: 1.800.000 đồng/người/tháng.

5. Quỹ tiền thưởng, phúc lợi kế hoạch của người lao động: 1.598.921.600 đồng.

6. Quỹ tiền thưởng kế hoạch của người quản lý: 314.500.000 đồng.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh:

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-ĐSPK ngày 12/02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03-25/NQ-ĐSPK ngày 25/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua việc ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty bảo đảm đầy đủ các tiêu chí như sau:

1. Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Bộ Tài Chính chấp thuận hoạt động trong lĩnh vực tư vấn tài chính kế toán, kiểm toán và thẩm định giá;
2. Có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ kiểm toán báo cáo tài chính;
3. Có mức chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đối với cổ đông là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-ĐSPK ngày 12/02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03-25/NQ-ĐSPK ngày 25/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, đối với cổ đông là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang